

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/DS-ST
Ngày 10 – 5 – 2024
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Trọn
- Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt N; Địa chỉ: số 169, phố Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Đỗ Phi Long - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P theo văn bản ủy quyền số: 56/QĐ-NHCS ngày 15/3/2024 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Anh P, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963 (đã chết); Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X: Ông Đỗ Anh P, sinh năm 1964, anh Đỗ Hoàng L và anh Đỗ Ru N – Là chồng, con của bà X; Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Đỗ Anh P và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng. Vào ngày 04/3/2017, bà X ủy quyền cho ông P đại diện gia đình ký kết hợp đồng vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P đến ngày 14/4/2018, ông P ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng với số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để cải tạo ao đầm và mua tôm giống, lãi suất thỏa thuận 6,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn 8,580%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, định kỳ trả nợ gốc 06 tháng với số tiền gốc mỗi kỳ là 5.000.000 đồng. Tiếp đến ngày 08/4/2022, ông P ký hợp đồng vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vay để khoan cây nước, lãi suất thỏa thuận 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 11,7%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, định kỳ trả nợ gốc 06 tháng với số tiền gốc mỗi kỳ là 1.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với khoản vay ngày 14/4/2018, ông P cùng bà X trả được số tiền lãi là 1.329.000 đồng; đối với khoản vay ngày 08/4/2022 trả được số tiền lãi là 1.231.000 đồng. Cả hai hợp đồng nêu trên, ông P trả lãi đến ngày 08/01/2024 thì ngưng không trả vốn và lãi cho đến nay, hiện bà X đã chết nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng không biết được thời gian bà X chết và xác định bà X cùng ông P có hai người con chung là anh Đỗ Ru N, anh Đỗ Hoàng L nên tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông P, anh L và anh Ru N có trách nhiệm trả một lần cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/5/2024 là 8.293.000 đồng (tiền lãi đối khoản vay ngày 14/4/2018 là 7.742.000 đồng; tiền lãi đối khoản vay ngày 08/4/2022 là 551.000 đồng). Tổng các khoản, Ngân hàng yêu cầu là 68.293.000 đồng (sáu mươi tám triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng). Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Đối với ông Đỗ Anh P, anh Đỗ Hoàng L và anh Đỗ Ru N, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P, anh L cùng anh Ru N vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn ông Đỗ Anh P cùng anh Đỗ Hoàng L, anh Đỗ Ru N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc yêu cầu ông Đỗ Anh P cùng anh Đỗ Hoàng L, anh Đỗ Ru N - Là con của ông P,

bà Nguyễn Thị X cung cấp bản sao giấy chứng tử của bà X cùng tờ khai tông chi đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà X. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa đương sự vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nêu trên cho Tòa án nên căn cứ vào lời khai của nguyên đơn xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà X chỉ gồm: Ông P, anh L và anh N, không còn ai khác để đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà X là có cơ sở.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay, cụ thể: Hợp đồng vay ngày 14/4/2018 và ngày 08/4/2022, cả hai khoản vay đều có quy định lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thể hiện: Việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 60.000.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 10/5/2024 là 8.293.000 đồng là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán nợ, hiện bà Nguyễn Thị X đã chết nhưng ông P, anh L và anh N không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ chứng minh là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh là của các đương sự. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà X phải có nghĩa vụ cùng ông P thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng là có căn cứ.

[3] Đối với việc trả nợ một hay nhiều lần, Hội đồng xét xử xét thấy việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên đề cập xem xét.

[4] Về án phí, bị đơn cùng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu, nguyên đơn không phải chịu án phí do thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên không phải hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 11 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt N.

Buộc ông Đỗ Anh P, anh Đỗ Hoàng L cùng anh Đỗ Ru N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt N các khoản tính đến ngày 10/5/2024 với

tổng số tiền là 68.293.000 đồng (sáu mươi tám triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng) trong đó, nợ gốc là 60.000.000.000 đồng và nợ lãi là 8.293.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 10/5/2024, ông Đỗ Anh P cùng anh Đỗ Hoàng L, anh Đỗ Ru N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Đỗ Anh P cùng anh Đỗ Hoàng L, anh Đỗ Ru N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Đỗ Anh P cùng anh Đỗ Hoàng L, anh Đỗ Ru N phải chịu số tiền 3.415.000 đồng (ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng - chưa nộp).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông P, anh L và anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân